

Số: 192/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thông tin tuyển sinh Đại học năm 2026

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BKHCN ngày 03/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12/4/2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Nghị quyết số 191/NQ-HĐHV ngày 25/4/2025 của Hội đồng Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc điều chỉnh Quy chế tổ chức hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-HV ngày 05/03/2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Nay phê duyệt Thông tin tuyển sinh Đại học năm 2026 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Chính trị & Công tác sinh viên, Tài chính kế toán, Quản lý KHCN&HTQT; Trưởng Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Trưởng Bộ môn Marketing, Giám đốc Trung tâm Đào tạo quốc tế, Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật Bưu điện, Viện trưởng Viện Công nghệ thông tin và truyền thông, Cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Ban Giám đốc Học viện (để b/c);
- Lưu VT; ĐT(2).

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
HỌC VIỆN  
CÔNG NGHỆ  
BƯU CHÍNH  
VIỄN THÔNG  
PGS. TS. Trần Quang Anh

**THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026**  
**(Hình thức đào tạo: Chính quy)**

*(Kèm theo Quyết định số 192/QĐ-HV ngày 29/04/2026 của Giám đốc Học viện)*

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Tên cơ sở đào tạo: HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BUỒI CHÍNH VIỄN THÔNG**

**2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: BVH và BVS**

**3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và cơ sở đào tạo):**

**TRỤ SỞ CHÍNH**

Số 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

**CƠ SỞ HỌC VIỆN TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (BVH)**

Số 96A Trần Phú, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (BVS)**

Số 97 Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:**

Cổng thông tin điện tử: <https://ptit.edu.vn>

Cổng thông tin đào tạo: <https://daotao.ptit.edu.vn>

Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

**5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh, thông tin tuyển sinh:**

Cổng thông tin điện tử: <https://ptit.edu.vn>

Cổng thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

Trang Fanpage: <https://facebook.com/HocvienPTIT>,  
<https://facebook.com/ptittuyensinh>, <https://www.facebook.com/ptithochiminh>

**6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:**

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (BVH):** (024) 33528122, (024) 33512252 (trong giờ hành chính)

**CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (BVS):** (028) 38297220 (trong giờ hành chính)

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Học viện: <https://ptit.edu.vn>, <https://daotao.ptit.edu.vn>, <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>

## II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

### 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

#### 1.1. Quy định chung:

- Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) là các thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam *hoặc* của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định *hoặc* đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Học viện;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Học viện

- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

#### 1.3. Điều kiện dự tuyển riêng của từng Phương thức xét tuyển

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục 1.1, các yêu cầu về điều kiện dự tuyển riêng của từng Phương thức xét tuyển được quy định cụ thể ở mỗi Phương thức xét tuyển trong mục 2 dưới đây.

### 2. Mô tả các Phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng **05 phương thức tuyển sinh** như sau:

#### 2.1. Phương thức 1: Xét tuyển tài năng

Xét tuyển tài năng gồm có:

- (1) **Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển** Đối với các thí sinh đạt thành tích cao trong kỳ thi, cuộc thi cấp quốc gia hoặc quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện (*có Thông báo chi tiết riêng*).
- (2) **Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL):** Đối với các thí sinh có **một trong các điều kiện** như sau:
  - Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế (năm 2026, 2025, 2024) đối với các môn Toán, Vật lí, Hóa học hoặc Tin học;
  - Thí sinh đạt giải **Khuyến khích** *hoặc* đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia *hoặc* đạt giải **Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) *hoặc* của Đại học Quốc gia

Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học (thí sinh được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào tất cả các ngành/chương trình) *hoặc* môn Tiếng Anh (được ĐKXT vào các ngành/chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông) *hoặc* môn Ngữ văn (được ĐKXT vào ngành Báo chí hoặc ngành Truyền thông đa phương tiện). Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm đăng ký dự tuyển;

- Là **học sinh chuyên** của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) *hoặc* **hệ chuyên** thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học (được ĐKXT vào tất cả các ngành/ chương trình) *hoặc* môn Tiếng Anh (được ĐKXT vào các ngành/ chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông) *hoặc* môn Ngữ văn (được ĐKXT vào ngành Báo chí và ngành Truyền thông đa phương tiện).

## ***2.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (Chứng chỉ SAT/ACT)***

Thí sinh có **Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế SAT từ 1130/1600** trở lên hoặc **ACT từ 25/36** trở lên, trong thời hạn 02 năm (tính đến ngày đăng ký dự tuyển).

## ***2.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả trong các kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL), đánh giá tư duy (ĐGTD)*** của các đơn vị: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức.

Thí sinh có một trong các điều kiện sau đây:

- a) Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA) năm 2026 **từ 50 điểm trở lên;**
- b) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội (HSA) năm 2026 **từ 75 điểm trở lên;**
- c) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (V-ACT) năm 2026 **từ 600 điểm trở lên;**
- d) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026 **từ 15 điểm trở lên.**

### **Ghi chú:**

1. Đối với bài thi ĐGNL của Đại học quốc gia Hà Nội (HSA) thí sinh chọn:

- Phần 3 - Khoa học: Thí sinh bắt buộc chọn tổ hợp có 2 chủ đề là Vật lý và Hóa học
- Phần 3 - Tiếng Anh: Thí sinh chỉ được ĐKXT vào các ngành/chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông.

2. Đối với bài thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thí sinh phải đăng ký thi các môn theo tổ hợp xét tuyển của Học viện.

#### **2.4. Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp giữa chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (chứng chỉ IELTS, TOEFL) với kết quả học tập ở bậc THPT**

Thí sinh có **Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế** trong thời hạn (tính đến ngày đăng ký dự tuyển) đạt **IELTS 5.5** trở lên hoặc **TOEFL iBT 65** trở lên hoặc **TOEFL ITP 513** trở lên.

**Ghi chú:** Học viện **không chấp nhận** Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế có **Test Center** với hình thức là **Home Edition**.

#### **2.5. Phương thức 5: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026**

Thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành ĐKXT của Học viện.

Học viện sử dụng 05 tổ hợp xét tuyển là **A00** (Toán – Lý – Hóa), **A01** (Toán – Lý – Anh), **D01** (Toán – Văn – Anh), **X06** (Toán – Lý – Tin học) và **X26** (Toán – Tin học – Anh).

### **3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh**

#### **3.1. Ngưỡng đầu vào**

- Đối với phương thức 5, Học viện công bố điểm ngưỡng đầu vào sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với các phương thức 1, 2, 3, 4 ngưỡng đầu vào là điều kiện dự tuyển riêng của từng Phương thức xét tuyển được quy định tại mục II.2 và đáp ứng yêu cầu về điều kiện nguồn tuyển theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với Chương trình Công nghệ vi mạch bán dẫn (*ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử*) ngưỡng đầu vào thực hiện theo Quyết định số 1314/QĐ-BGDĐT ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ và Quyết định số 2101/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2025 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ và các Hướng dẫn của bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **3.2. Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển**

- Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển của cùng phương thức và cùng ngành/chương trình là bằng nhau (không có điểm chênh lệch).

- Điểm trúng tuyển được Học viện xác định cho từng ngành/chương trình.

- Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển tương đương giữa các phương thức tuyển sinh thực hiện theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

#### 4. Chỉ tiêu tuyển sinh

##### a) CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (Mã trường: BVH)

Địa chỉ: Số 96A Trần Phú, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành theo Danh mục	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
<b>I CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÀI NĂNG – THẠC SĨ TÍCH HỢP CỬ NHÂN (*)</b>						
1	8480101	Khoa học máy tính	8480101	Khoa học máy tính	30	<i>Xét tuyển thẳng và Phương thức tuyển sinh 5</i>
2	8480104	Hệ thống thông tin	8480104	Hệ thống thông tin	30	
3	8480202	An toàn thông tin	8480202	An toàn thông tin	30	
4	8520208	Kỹ thuật viễn thông	8520208	Kỹ thuật viễn thông	30	
5	8520203	Kỹ thuật điện tử	8520203	Kỹ thuật điện tử	30	
<b>II NGÀNH/CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ</b>						
1	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	410	<i>Phương thức tuyển sinh: 1, 2, 3, 4, 5 Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.</i>
2	7520207_AIoT	Trí tuệ nhân tạo vạn vật (AIoT)	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	90	
3	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	80	
4	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	260	
5	7510301_MBD	Công nghệ vi mạch bán dẫn	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	175	
6	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	600	
7	7480107	Trí tuệ nhân tạo	7480107	Trí tuệ nhân tạo	160	
8	7480202	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	200	
9	7480101	Khoa học dữ liệu	7480101	Khoa học máy tính	160	
10	7480102	Kỹ thuật dữ liệu	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	135	
11	7320101	Báo chí	7320101	Báo chí	100	<i>Phương thức tuyển sinh: 1, 2, 3, 4, 5 Tổ hợp xét tuyển: A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.</i>
12	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	120	
13	7329001	Công nghệ đa phương tiện	7329001	Công nghệ đa phương tiện	280	
14	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	170	
15	7340101_LOG	Logistics và quản trị chuỗi cung ứng	7340101	Quản trị kinh doanh	80	
16	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	180	
17	7340115	Marketing	7340115	Marketing	240	

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành theo Danh mục	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
18	7340115_QHC	Quan hệ công chúng	7340115	Marketing	110	
19	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	200	
20	7340205	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340205	Công nghệ tài chính	160	
21	7340201_DAT	Phân tích dữ liệu trong tài chính, kinh doanh	7340201	Tài chính ngân hàng	110	
<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH TUYỂN SINH MỚI TỪ NĂM 2026 (DỰ KIẾN)</b>						
22	7340101_DSK	Quản trị Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	7340101	Quản trị kinh doanh	50	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.
23	7340101_LTT	Logistics trong kinh tế tầm thấp	7340101	Quản trị kinh doanh	50	
24	7520207_THV	Kỹ thuật Truyền thông Hàng không vũ trụ	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	50	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
25	7520216_UAV	UAV và Robot di động tự hành	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	50	
<b>III CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, ĐẶC THÙ</b>						
1	7480201_CLC	Công nghệ thông tin	7480101	Công nghệ thông tin	370	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
2	7480202_CLC	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	120	
3	7480201_VNH	Công nghệ thông tin Việt - Nhật	7480201	Công nghệ thông tin	110	
4	7480201_UDU	Công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng)	7480201	Công nghệ thông tin	330	
5	7340301_CLC	Kế toán (chuẩn quốc tế ACCA)	7340301	Kế toán	60	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.
6	7340115_CLC	Marketing	7340115	Marketing	130	
7	7320104_CLC	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	110	
8	7329001_GAM	Thiết kế và phát triển Game	7329001	Công nghệ đa phương tiện	210	
<b>IV CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT QUỐC TẾ</b>						
1	7480201_LK	Công nghệ thông tin Liên kết với Đại học Macquarie, Australia)	7480201	Công nghệ thông tin	20	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh;

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành/chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành theo Danh mục	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
						X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
2	7340205_LK	Công nghệ tài chính (Liên kết đại học Huddersfield, Vương Quốc Anh)	7340205	Công nghệ tài chính	20	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.
3	7320104_LK	Truyền thông Đa phương tiện (Liên kết với đại học Công nghệ Queensland, Úc)	7320104	Truyền thông đa phương tiện	20	
4	7329001_LK	Công nghệ Đa phương tiện (Liên kết với đại học Canberra, Australia)	7329001	Công nghệ đa phương tiện	20	

(\* ) Thông tin chi tiết về Tuyển sinh chương trình thạc sĩ tài năng (Thạc sĩ tích hợp) thuộc các lĩnh vực STEM theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực của Chính phủ sẽ được Thông báo chi tiết riêng.

#### **b) CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (Mã trường: BVS)**

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình	Mã ngành	Tên ngành theo Danh mục	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
<b>I</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TÀI NĂNG – THẠC SĨ TÍCH HỢP CỬ NHÂN (*)</b>					
1	8480104	Hệ thống thông tin	8480104	Hệ thống thông tin	30	<i>Xét tuyển thẳng và Phương thức tuyển sinh 5</i>
<b>II</b>	<b>NGÀNH, CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI TRÀ</b>					
1	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	160	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
2	7520208	Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	7520208	Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	110	
3	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	135	
4	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	75	
5	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	280	
6	7480202	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	80	
7	7329001	Công nghệ đa phương tiện	7329001	Công nghệ đa phương tiện	155	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh;
8	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	90	

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình	Mã ngành	Tên ngành theo Danh mục	Số lượng dự kiến	Phương thức tuyển sinh
9	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	130	X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.
10	7340115	Marketing	7340115	Marketing	115	
11	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	60	
<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH TUYỂN SINH MỚI TỪ NĂM 2026 (DỰ KIẾN)</b>						
12	7510301_MBD	Công nghệ vi mạch bán dẫn	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	60	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i>
13	7480107	Trí tuệ nhân tạo	7480107	Trí tuệ nhân tạo	115	A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh;
14	7480102	Kỹ thuật dữ liệu	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	110	X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
15	7340205	Công nghệ tài chính (Fintech)	7340205	Công nghệ tài chính	115	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.
<b>III CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO, ĐẶC THÙ</b>						
1	7480201_CLC	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	120	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh.
2	7480202_CLC	An toàn thông tin	7480202	An toàn thông tin	40	
3	7340115_CLC	Marketing	7340115	Marketing	80	<i>Phương thức tuyển sinh:</i> 1, 2, 3, 4, 5 <i>Tổ hợp xét tuyển:</i> A00: Toán, Lí, Hóa; A01: Toán, Lí, Anh; X06: Toán, Lí, Tin; X26: Toán, Tin, Anh; D01: Toán, Văn, Anh.

## 5. Các thông tin cần thiết khác

### 5.1 Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Học viện **không sử dụng tiêu chí phụ riêng** để xét tuyển ngoài các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh của Học viện.

Học viện không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ và không sử dụng điểm thi được bảo lưu để xét tuyển.

### 5.2 Điểm cộng

**a) Điểm thưởng:** Áp dụng đối với đối tượng đủ điều kiện Xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	Loại Giải đạt được	Điểm thưởng (theo thang điểm 30)
1	Giải Nhất cấp Quốc gia	3,00 điểm
2	Giải Nhì cấp Quốc gia	2,75 điểm
3	Giải Ba cấp Quốc gia	2,50 điểm

**b) Điểm xét thưởng**

- **Điều kiện xét thưởng:** Thí sinh đạt giải **Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia *hoặc* đạt giải **Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) *hoặc* của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn **Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học**.
- **Không** áp dụng đối với Phương thức Xét tuyển *tài năng*.
- Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại thành tích cao nhất.
- **Mức điểm xét thưởng:**

TT	Loại Giải	Điểm xét thưởng (theo thang điểm 30)
1	- Giải Khuyến khích cấp quốc gia - Giải Nhất	1,50 điểm
2	Giải Nhì	1,25 điểm
3	Giải Ba	1,00 điểm
4	Giải Khuyến khích	0,75 điểm

**c) Điểm khuyến khích**

- **Điều kiện xét:** Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL) còn trong thời hạn.
- **Không** áp dụng đối với Phương thức Xét tuyển *tài năng* (*đối với thí sinh đã sử dụng Giải học sinh giỏi môn tiếng Anh*).
- Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại chứng chỉ có thành tích cao nhất.
- **Mức điểm khuyến khích:**

TT	IELTS	TOEFL iBT	TOEFL ITP	Điểm KK (theo thang điểm 30)
1	7.0 – 9.0	Từ 94 điểm trở lên	Từ 627 điểm trở lên	1,50 điểm
2	6.5	86 – 93	591 – 626	1,00 điểm
3	6.0	72 – 85	546 – 590	0,75 điểm
4	5.5	46 – 71	500 – 545	0,50 điểm

Các mức Điểm cộng (Điểm thưởng, Điểm xét thưởng, Điểm khuyến khích) nêu trên được xác định theo thang điểm 30 và sẽ được quy đổi theo thang điểm tương ứng của từng Phương thức tuyển sinh và đảm bảo tổng Điểm cộng không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét.

**d)** Các thí sinh phải khai báo và đăng ký thông tin tuyển sinh thông qua đăng ký các Phương thức xét tuyển trên hệ thống xét tuyển trực tuyến của Học viện và kèm theo minh chứng mới được hưởng chính sách về Điểm cộng.

### 5.3 Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo:

Học viện tuyển sinh theo từng ngành/chương trình với mỗi ngành/chương trình có duy nhất 1 mã xét tuyển.

### 5.4 Chính sách học bổng

- **Học bổng đặc biệt:** năm 2026, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa **30 suất học bổng đặc biệt**, giá trị mỗi suất học bổng tới **500 triệu đồng** (gồm: học phí trong toàn thời gian học, chi phí ăn ở, kinh phí nghiên cứu khoa học, thực tập ở nước ngoài, kinh phí hỗ trợ từ doanh nghiệp đối tác và các hỗ trợ khác).

Đối tượng xét cấp học bổng đặc biệt là các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Vật lý và Tin học; thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT từ 29,0 điểm trở lên (không bao gồm điểm cộng và điểm ưu tiên nếu có). *Người được nhận học bổng đặc biệt phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.*

- **Học bổng toàn phần:** năm 2026, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa **50 suất học bổng toàn phần** với giá trị học bổng tới **250 triệu đồng** (tối đa bằng học phí toàn khóa học của chương trình chất lượng cao) cho các thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Vật lý và Tin học; thí sinh đoạt giải Nhất trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW hoặc của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn Toán, Vật lý và Tin học; thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT từ 28,5 điểm trở lên (không bao gồm điểm cộng và điểm ưu tiên nếu có). *Người*

*được nhận học bổng toàn phần phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.*

- **Học bổng bán phần:** năm 2026, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa **50 suất học bổng bán phần** với giá trị học bổng tới **100 triệu đồng** (tối đa bằng 100% học phí hai năm học đầu tiên của chương trình chất lượng cao) cho các thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Vật lí và Tin học; thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW *hoặc* của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn Toán, Vật lí và Tin học; thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT từ 28,0 điểm trở lên (không bao gồm điểm cộng và điểm ưu tiên nếu có). *Người được nhận học bổng bán phần phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.*
- **Học bổng miễn 100%** học phí trong năm học thứ nhất với **tối đa 100 suất** cho đối tượng là các thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế, quốc gia hoặc thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW *hoặc* của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn Toán, Vật lí, Hóa và Tin học hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026;
- **Học bổng miễn 50%** học phí trong năm học thứ nhất với **tối đa 300 suất** cho đối tượng là các thí sinh đoạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026;
- Ngoài ra, sinh viên còn có nhiều cơ hội để được nhận các xuất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như Samsung (Hàn Quốc), Cowell Asia (Nhật Bản), Tập đoàn Điện lực Nhật Bản Yokogawa (Nhật Bản), Đại học Sydney (Úc), TEMIX (Italy), Bosch ...

**Ghi chú:** *Thí sinh chỉ được xét và cấp một Loại học bổng trong chính sách học bổng nêu trên; xét cấp học bổng thực hiện xét từ trên xuống cho đến hết số suất học bổng.*

## **6. Tổ chức tuyển sinh**

- a) Kế hoạch tuyển sinh và xét tuyển: Theo lịch xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Hình thức đăng ký: Trực tuyến (online). Cụ thể:

Đối với Phương thức tuyển sinh 1, 2, 3, 4: Thí sinh phải khai báo và đăng ký thông tin tuyển sinh trên Hệ thống xét tuyển trực tuyến của Học viện tại địa chỉ <https://xettuyen.ptit.edu.vn> (theo Thông báo tuyển sinh) và đồng thời đăng ký xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với Phương thức tuyển sinh 5: Thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 7. Chính sách ưu tiên

a) Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Thông báo của Học viện, không giới hạn số lượng chỉ tiêu (*có Thông báo riêng*).

b) Chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.
- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2\_NT) là 0,5 điểm, khu vực 2(KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.
- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (*áp dụng theo thang điểm 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30*) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}^{(*)})/7,5] \times \text{Điểm ưu tiên theo QC (nếu có)}$$

(\*) Tổng điểm đạt được là tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số) cộng với điểm cộng (nếu có). Nếu tổng điểm đạt được vượt quá thang điểm xét thì sẽ được quy về điểm tối đa của thang điểm xét.

*Trường hợp các phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương theo thang điểm xét tuyển.*

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp (*thí sinh tốt nghiệp năm 2025 và năm 2026*).

## 8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

## 9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Học viện cam kết tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

## 10. Các nội dung khác

### 10.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy:

- Học phí trình độ đại hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2026-2027 dự kiến: trung bình từ khoảng 35,9 triệu đồng/năm đến 40,7 triệu đồng/năm tùy theo từng ngành/ chương trình học (Trung bình bằng khoảng 75% đến 85% mức trần học phí theo quy định của Nhà nước);

- Học phí chương trình chất lượng cao trình độ đại học năm học 2026-2027: mức thu học phí trung bình từ khoảng 44,8 triệu đồng/năm đến 58,3 triệu đồng/năm học tùy theo từng ngành/ chương trình học;
- Học phí chương trình Cử nhân Công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng), Thiết kế và phát triển Game, Công nghệ thông tin Việt - Nhật, Trí tuệ nhân tạo năm học 2026-2027: mức thu học phí trung bình từ khoảng 41,3 triệu đồng/năm đến 46,7 triệu đồng/năm học tùy theo từng ngành/ chương trình học;
- Học phí chương trình liên kết quốc tế năm học 2026-2027: mức thu học phí trung bình từ khoảng 58,3 triệu đồng/năm đến 67,2 triệu đồng/năm tùy theo từng chương trình.
- Lộ trình tăng học phí cho từng năm thực hiện theo Nghị định số 238/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

### **10.2. Chương trình chất lượng cao:**

Năm 2026, Học viện tuyển sinh các chương trình chất lượng cao (*chương trình chất lượng cao do Học viện tự xác định*) với nội dung, chất lượng chương trình đào tạo có nhiều ưu việt, nhiều lợi thế đối với người học và với quy mô lớp nhỏ. Cụ thể gồm có các chương trình chất lượng cao: Công nghệ thông tin, Marketing, Kế toán (*theo chuẩn quốc tế ACCA*), An toàn thông tin và Truyền thông đa phương tiện.

### **10.3. Chương trình liên kết quốc tế**

Học viện triển khai tuyển sinh các chương trình liên kết quốc tế: (1) Chương trình liên kết đào tạo ngành Công nghệ thông tin với Đại học Macquarie (Australia); (2) Chương trình liên kết đào tạo ngành Đa phương tiện với Đại học Canberra (Australia); (3) Chương trình liên kết đào tạo ngành Công nghệ tài chính với Đại học Huddersfield (Vương quốc Anh); (4) Chương trình liên kết đào tạo ngành Truyền thông Đa phương tiện với Đại học Công nghệ Queensland (Australia); với nội dung chương trình đào tạo ưu việt, đồng thời có nhiều cơ hội việc làm và định cư ở nước ngoài sau tốt nghiệp (Thông tin chi tiết tại: <https://cie.ptit.edu.vn>, <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>).

### **10.4. Phân loại và xếp lớp học tiếng Anh**

Sau khi nhập học, Học viện sẽ tổ chức kỳ kiểm tra phân loại đầu vào tiếng Anh để tiến hành xếp lớp theo trình độ tiếng Anh cho sinh viên nhằm đảm bảo sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiếng Anh sẽ đạt được chuẩn đầu ra tiếng Anh là TOEIC 450 điểm quốc tế (đối với hệ đại trà) và TOEFL iBT 70 điểm quốc tế (đối với các chương trình chất lượng cao).

### **10.5 Địa điểm học tập:**

#### **a) CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (BVH):**

- Số 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội;
- Số 96A Trần Phú, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội;
- Số 33 Đại Mỗ, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội;

- Số 36 Cầu Diễn, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội (dự kiến).

**b) CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (BVS):**

- Số 97 Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất**

**a) Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH)**

STT	Mã chương trình/ngành, xét tuyển	Tên chương trình/ngành xét tuyển	Năm tuyển sinh 2024						Năm tuyển sinh 2025		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
					Dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét tuyển Tài năng	Dựa vào kết quả thi ĐGNL, ĐGTD	Xét tuyển kết hợp			
1	7340101	Quản trị kinh doanh	230	219	25.17	72.52	18.3	25.37	200	200	22.75
2	7340101_LOG	Logistics và quản trị chuỗi cung ứng	-	-	-	-	-	-	100	100	24.2
3	7340115	Marketing	220	237	25.85	72.03	19.85	26.97	240	234	24
4	7340115_QHC	Quan hệ công chúng (ngành Marketing)	80	76	25.15	-	-	-	100	94	23.47
5	7340301	Kế toán	180	188	25.29	73.07	18.5	25.77	180	173	22.5
6	7340122	Thương mại điện tử	150	150	26.09	75.55	20.7	27.26	170	167	25.1
7	7340205	Công nghệ tài chính (Fintech)	130	120	25.61	70.63	19.45	26.7	150	146	23.63
8	7480101	Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu)	140	131	26.31	84.34	23.5	28	150	144	26.21
9	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (CT Kỹ thuật dữ liệu)	100	104	25.59	73.57	19.45	23.74	120	121	24.4
10	7480107	Trí tuệ nhân tạo	-	-	-	-	-	-	150	144	25.67
11	7480201	Công nghệ thông tin	600	616	26.4	82.85	22.55	27.01	600	593	25.8
12	7480201_UDU	Công nghệ thông tin (Cử nhân định hướng ứng dụng)	280	288	24.87	73.11	17.1	25.5	300	299	22.2
13	7480201_VNH	Công nghệ thông tin Việt - Nhật	100	112	24.25	-	-	-	100	99	23.48
14	7480202	An toàn thông tin	280	295	25.85	81.43	21.6	26.8	200	189	25.21
15	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	290	298	25.46	67.8	19.84	25.07	230	240	24.61
16	7510301_MBD	Công nghệ vi mạch bán dẫn (ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)	-	-	-	-	-	-	150	149	25.5
17	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	390	401	25.75	75.43	20.65	26.42	430	416	25.1
18	7520207_AIoT	Trí tuệ nhân tạo vạn vật (AIoT)	-	-	-	-	-	-	80	78	24.87
19	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	80	82	26.08	82.35	22.05	27.71	110	113	26.19
20	7329001	Công nghệ đa phương tiện	240	243	25.75	72.48	20.21	27	260	256	24

STT	Mã chương trình/ngành, xét tuyển	Tên chương trình/ngành xét tuyển	Năm tuyển sinh 2024						Năm tuyển sinh 2025		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
					Dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét tuyển Tài năng	Dựa vào kết quả thi ĐGNL, ĐGTD	Xét tuyển kết hợp			
21	7329001_GAM	Thiết kế và phát triển Game (ngành Công nghệ đa phương tiện)	160	159	24.97	-	-	-	200	190	23.48
22	7320104	Truyền thông đa phương tiện	140	142	25.94	70.03	20.7	28	120	116	25.25
23	7320101	Báo chí	80	85	25.29	73.17	18.5	26.73	90	93	22.67
24	7480201_CLC	Công nghệ thông tin (chất lượng cao)	280	286	25.43	72.6	19.4	25.64	300	285	23.6
25	7480202_CLC	An toàn thông tin (chất lượng cao)	-	-	-	-	-	-	100	104	23.14
26	7340301_CLC	Kế toán (chuẩn quốc tế ACCA)	40	39	22.5	76.42	15	23.36	60	60	21
27	7340115_CLC	Marketing (chất lượng cao)	100	105	24.25	75.63	17.45	25.51	120	118	22
28	7320104_CLC	Truyền thông đa phương tiện (chất lượng cao)	-	-	-	-	-	-	90	83	22.65

### b) Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS)

STT	Mã chương trình/ngành, xét tuyển	Tên chương trình/ngành xét tuyển	Năm tuyển sinh 2024						Năm tuyển sinh 2025		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm TT
					Dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét tuyển Tài năng	Xét tuyển kết hợp	Dựa vào kết quả thi ĐGNL, ĐGTD			
1	7340101	Quản trị kinh doanh	100	79	18.4	-	-	-	130	124	17.2
2	7340115	Marketing	90	88	24.24	76.72	23.87	15.93	120	124	21.25
3	7340301	Kế toán	90	90	20.95	-	22.8	15.88	120	50	16.25
4	7480201	Công nghệ thông tin	180	179	25.17	68.83	22.2	18.01	230	244	23.47
5	7480202	An toàn thông tin	80	90	26.68	-	21.89	15.8	120	111	23.09
6	7520208	Công nghệ Internet vạn vật (IoT)	85	74	18	83.97	24.83	18.33	100	105	17.25
7	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử	90	99	20.85	-	24.36	15.08	120	122	20.00
8	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	100	111	23.23	85.69	23.77	16.23	140	141	21
9	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	85	84	19.65	78.71	23.7	16.18	120	124	19.8
10	7329001	Công nghệ đa phương tiện	120	124	23.95	88.13	23.46	15.05	140	144	21.35
11	7320104	Truyền thông đa phương tiện	-	-	-	-	-	-	80	80	24
12	7480201_CLC	Công nghệ thông tin (chất lượng cao)	100	98	23.25	75.69	23.36	15.03	120	120	21.5

STT	Mã chương trình/ngành, xét tuyển	Tên chương trình/ngành xét tuyển	Năm tuyển sinh 2024						Năm tuyển sinh 2025		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm TT
					Dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xét tuyển Tài năng	Xét tuyển kết hợp	Dựa vào kết quả thi ĐGNL, ĐGTD			
13	7340115 _CLC	Marketing (chất lượng cao)	40	21	18	78.48	21.53	15.28	40	54	18.75

**Cán bộ tuyển sinh**

**Nguyễn Thị Hồng Huệ**  
**ĐT: 02433512252**  
**Email: huenth@ptit.edu.vn**

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**PGS.TS. Trần Quang Anh**